

Số: 80/QĐ-MGSC

Phường 1, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai
Năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẪU GIÁO SƠN CA

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Ban hành Điều lệ trường mầm non;

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 của trường mẫu giáo Sơn Ca và tình hình thực tế của trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch 3 công khai trường mẫu giáo Sơn Ca Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT năm học 2023-2024 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai theo kế hoạch, thời gian và nhiệm vụ được phân công; thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu để kê khai các biểu mẫu, nội dung: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục. Công khai thu, chi tài chính.

Điều 3. Ban lãnh đạo, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng của trường mẫu giáo Sơn Ca phường 1, các bộ phận có liên quan và các Ông (Bà) có tên ở điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Thu Nga

DANH SÁCH

Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch 3 công khai
(Kèm theo QĐ số 80/QĐ-MGSC ngày 28/9/2023 của Hiệu trưởng trường MG Sơn
Ca)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
01	Nguyễn Thị Thu Nga	Hiệu trưởng	Trưởng ban
02	Đoàn Thị Kiều Diễm	CTCĐ	Phó trưởng ban
03	Đoàn Thị Ngọc Mai	P.Hiệu trưởng	Thành viên
04	Nguyễn Thị Mộng Thu	Tổ trưởng VP	Thành viên
05	Huỳnh Thị Thùy Dương	Trưởng BTTND	Thành viên

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN
TRƯỜNG MẪU GIÁO SƠN CA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của nhà trường năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38	0	3	25	0	0	10	0	11	16	16	11	0	0
I	Giáo viên	24		3	21	0	0	0	0	11	13	13	11	0	0
1	Nhà trẻ														
2	Mẫu giáo	24		3	21	0	0	0	0	11	13	13	11	0	0
II	Cán bộ quản lý	3			3						3				
1	HT	1			1						1				
2	PHT	2			2						2				
III	Nhân viên	11			1			10							
1	NVVT	0													
2	NVKT	1			1										
3	Thủ quỹ	0													
4	NVYT	0					0								
5	Phục vụ	7						7							
6	Bảo vệ	3						3							

Phường 1, ngày 28 tháng 09 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Thu Nga

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	325				76	119	130
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	325				76	119	130
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	325				76	119	130
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	325				76	119	130
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng BĐTT	325				76	119	130
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường					62	88	78
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân					3	3	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường					69	118	129
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi					7	1	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì					11	28	51
VI	Số trẻ em học các chương trình CSGD							
1	Chương trình GD nhà trẻ							
2	Chương trình GD mẫu giáo	325				76	119	130

Tân An, ngày 28 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Thu Nga

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	<i>Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được</i>		- Tuân thủ chương trình GD: 35 tuần. - 100% CB, GV, NV đạt chuẩn trở lên. - Xây dựng chế độ ăn phù hợp với độ tuổi. - 90% trẻ tăng cân qua các kỳ cân. 10% trẻ đứng cân (là trường hợp trẻ thừa cân)
II	<i>Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện</i>		Thực hiện theo TT 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và TT 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016.
III	<i>Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển</i>		Trên 90%
IV	<i>Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non</i>		Thực hiện tốt

Tân An, ngày 28 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Thu Nga

ỦY BAN NHÂN DÂN TP TÂN AN
TRƯỜNG MẪU GIÁO SƠN CA

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường MG Sơn Ca
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	Số m ² / trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	11	909 m ² = 2,7 m ² / 1 cháu
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1507,7 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	300 m ²	0.89 m ² / 1 cháu
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	838 m ²	2.49 m ² / 1 cháu
2	Diện tích phòng hội trường (m ²)	84 m ²	0.25 m ² / 1 cháu
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	226,7 m ²	0.67 m ² / 1 cháu
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	218 m ²	0.65 m ² / 1 cháu
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	126 m ²	0.37 m ² / 1 cháu
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	64 m ²	0.19 m ² / 1 cháu
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	115 m ²	-
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	11 bộ	01 bộ/ lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	11 bộ	01 bộ/ lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	10	-
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	21 máy vi tính 01 máy chiếu	1 máy/ 1 lớp Cơ sở 1
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/ nhóm (lớp)
1	Tì vi	11	1 cái/ 1 lớp

2	Catsset	02	Sử dụng chung
3	Đầu Video/đầu đĩa	4	Cơ sở 2
4	Đồ chơi ngoài trời	10	Sử dụng chung
5	Bàn ghế đúng quy cách	220 bộ	20 bộ/ 1 lớp
6	Tủ để đồ dùng cá nhân	22	2 bộ/ 1 lớp
7	Tủ đựng nệm gối	15	CS1: 1 cái/ 1 lớp CS2: 2 cái/ 1 lớp
8	Tủ đông	02	Sử dụng chung
9	Giá (kệ) để đồ chơi và học liệu bằng nhựa	20	5 cái/ lớp CS2
10	Giá (kệ) để đồ chơi và học liệu bằng gỗ	32	CS1: 4 cái/ 1 lớp CS2: 1 cái/ 1 lớp
11	Đồ dùng phòng thể chất	06 bộ	Sử dụng chung
12	Thiết bị khác	14 cái tủ 01 máy photo	Mỗi cơ sở: 7 cái Cơ sở 1
13	Đồ dùng bán trú đủ phục vụ cho trẻ	Đồ dùng đủ phục vụ cho trẻ	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1 m ² / 1 GV	x	x	x	0.63 m ² / 1 cháu
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
					Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)					x
XIV	Kết nối internet				x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục				x	
XVI	Tường rào xây				x	
..						

Tân An, ngày 28 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Thu Nga